

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2017
V/v: “Ly hôn giữa chị T và anh P”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Viện
2. Ông Lưu Xuân Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2017 về việc “Ly hôn; Tranh chấp nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T Sinh năm: 1988 (*Có mặt*)

Trú tại: Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Phạm Văn P Sinh năm: 1983 (*Vắng mặt*)

Trú tại: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 11/5/2017, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn P kết hôn với nhau vào năm 2006, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Trong quá trình chung sống giữa chị và anh P do không hòa hợp về tính cách nên trong cuộc sống thường ngày thường xuyên xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau. Đến năm 2011 do mâu thuẫn vợ chồng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn

D, xã Nam T, huyện N, tỉnh N sinh sống. Suốt từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn tình cảm với nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Bùi Hương L - Sinh ngày 27/11/2006 hiện nay anh P đang nuôi dưỡng. Chị đề nghị được con chung, nếu anh P nuôi chị đồng ý và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn P. Giao con chung Phạm Bùi Hương L - Sinh ngày 27/11/2006 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã tiến hành triệu tập anh Phạm Văn P đến trụ sở để giải quyết việc hôn nhân giữa anh với chị Bùi Thị T. Anh P vẫn cư trú tại địa phương (thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) và thường xuyên có mặt tại nhà, tuy nhiên vẫn cố tình lẩn trốn từ chối tham gia tố tụng nên không thể thực hiện việc tổng đạt hoặc thông báo trực tiếp. Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo hoà giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Phạm Tuấn N là bố đẻ anh P để giao cho anh P theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Phạm Văn P vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn P kết hôn với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh P do không hòa hợp với nhau về tính cách nên thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi xúc phạm đến nhau. Từ năm năm 2011 cho đến nay vợ chồng đã ly thân, cả hai bên không gặp gỡ để tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Chị T xác định hôn nhân đã tan vỡ và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

[4] Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn P với những mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh P của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Xét về điều kiện hoàn cảnh của các bên và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của con chung; Căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, tiếp tục giao con chung Phạm Bùi Hương L - Sinh ngày 27/11/2006 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả chị T và anh P. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho con chung có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường. Hội đồng xét xử cần xem xét đến điều kiện kinh tế của mỗi người để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp với thực tế. Căn cứ vào hoàn cảnh cũng như điều kiện thu nhập của các bên, căn cứ Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Kể từ tháng 07/2017 đến khi con chung Phạm Bùi Hương L thành niên (đủ 18 tuổi) chị T phải có trách nhiệm thanh toán theo định kỳ hàng tháng cho anh P số tiền trên.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn P được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn P

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung Phạm Bùi Hương L - Sinh ngày 27/11/2006 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí:

Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 07233 ngày 11/5/2017.

Báo cho chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP

Bùi Xuân Thọ